

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST
Ngày 30-8-2023
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Đoan và bà Bùi Thị Kim Thanh

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huyền, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 133/2023/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2023, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2023/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1985; địa chỉ: thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Đông Đ, sinh năm 1984; địa chỉ: thôn T1, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 6 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Đông Đ trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 06.9.2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng ban đầu bình thường nhưng chỉ được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn do anh Đ không chịu chu làm ăn, không có trách nhiệm với gia đình. Chị khuyên nhưng anh Đ không thay đổi nên anh chị nhiều lần ly thân rồi lại về đoàn tụ. Song từ năm 2012 đến nay, anh chị sống ly thân và cắt đứt quan hệ tình cảm. Chị T trở về sống cùng bố mẹ chị tại thôn 3, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Còn anh Đ đến tháng 4/2022 bị bắt, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 14 năm 03 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; và tội: Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; hiện đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T xác định có 02 con chung là cháu Đỗ Quang T, sinh ngày 04/6/2004 và cháu Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 27/12/2012, hiện

cháu T đã trưởng thành có thể tự túc lao động được nên chị không yêu cầu giải quyết. Cháu Ngân đang sống cùng bố mẹ anh Đ (ông Đỗ Xuân N và bà Hoàng Thị L). Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp cháu N, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Đỗ Đông Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị T trình bày là đúng. Tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh xác định có 02 con chung như chị T trình bày. Hiện cháu T đã đủ 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết. Cháu N đang sống cùng bố mẹ anh là ông Đỗ Xuân N và bà Hoàng Thị L. Ly hôn, anh đề nghị để bố mẹ anh được tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh D không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh Đ; giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 27/12/2012, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Đỗ Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Đông Đ; anh Đ cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh Đỗ Đông Đ vắng mặt nhưng anh Đ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Đông Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chỉ được thời gian ngắn phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do anh Đ không chín chu làm ăn, anh chị dần xếp nhưng không thành dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ năm 2012. Vào tháng 4 năm 2022 anh Đ bị bắt, bị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 14 năm 03 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; và tội: Sử dụng con dấu

hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; hiện anh Đ đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Xét thấy, anh chị ly thân thời gian đã dài mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, chị T và anh Đ đều xác định tình cảm không còn và đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, hôn nhân của chị T và anh Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Đỗ Thị T và anh Đỗ Đông Đ xác nhận có 02 con chung là cháu Đỗ Quang T, sinh ngày 04/6/2004 và cháu Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 27/12/2012, hiện cháu T đã trưởng thành có thể tự túc lao động được, anh chị không yêu cầu giải quyết. Cháu Ngân đang sống cùng bố mẹ anh Đ (ông Đỗ Xuân N và bà Hoàng Thị L). Ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N; anh Đ không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết để bố mẹ anh được tiếp tục nuôi cháu N. Anh Đ, chị T đều xác định không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, cháu Đỗ Quang T đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với việc giao nuôi cháu N, hiện anh Đ đang chấp hành án phạt tù tại Trại tạm giam Công an tỉnh Vĩnh Phúc khó có khả năng trực tiếp chăm sóc con. Theo quy định của pháp luật, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc con. Mặt khác, chị T làm tự do, có thu nhập, có thời gian chăm sóc con. Do vậy, cần giao cháu N cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

[4]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Đỗ Đông Đ.

2. Giao cho chị Đỗ Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Thị Kim N, sinh ngày 27/12/2012; anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001743 ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, Vĩnh Phúc. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành

án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Song Lưu